TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 885/2024/DS-ST
Ngày: 12-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Chí

2. Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyến là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Duy Bảo Chinh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 392/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 484/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa 408/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 591/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Bà Hồ Thị Kim C, sinh năm 1997; địa chỉ: đường D, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền số 5133 quyển số 05/2024TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/5/2024).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1971; địa chỉ thường trú: Ấp G, xã H, huyện I, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ cư trú: Đường số K, Phường L, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1975; địa chỉ thường trú: Đường M, Phường N, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà C có mặt; ông A, bà H và bà T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 08 tháng 4 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Hồ Thị Kim C là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ông Nguyễn Văn T cho ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Hồng H vay tiền làm nhiều lần. Ngày 11/11/2023, ông A và bà H viết giấy xác nhận nợ vay có nội dung: Ông A và bà H vay của ông T số tiền nợ gốc là 2.395.000.000 đồng và số tiền nợ lãi từ tháng 4/2023 đến tháng 11/2023 là 288.000.000 đồng (cụ thể: tháng 01/2023 trở về trước, ông A và bà H trả 24.000.000 đồng/1 tháng và từ tháng 02/2023 đến tháng 3/2023 trả 36.000.000 đồng/1 tháng); ông A và bà H cam kết trả nợ gốc và nợ lãi là 2.683.000.000 đồng cho ông T vào ngày 30/11/2023; trường hợp ông A và bà H không trả được nợ thì ông A và bà H và người đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK866342, thửa đất số 89, tờ bản đồ số 11 tại địa chỉ: khu phố F, Phường J, thành phố V, tỉnh T sẽ thực hiện ký hợp đồng công chứng chuyển nhượng thửa đất này cho ông Trưởng để cấn trừ khoản vay; nếu số tiền chuyển nhượng đất vẫn chưa đủ thì ông A và bà H cam kết dùng số tiền chuyển nhượng nhà đất tại địa chỉ Đường số K, Phường L, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh để cấn trừ nợ cho ông T.

Ông T, ông A và bà H thỏa thuận số tiền lãi như trên là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Từ ngày 30/11/2023 cho đến nay, ông A và bà H không trả nợ gốc và nợ lãi cho ông T theo nội dung cam kết.

Căn cứ các điều 357, 466, 468 của Bộ luật dân sự, ông T khởi kiện yêu cầu:

Ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Hồng H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 2.683.000.000 đồng theo Giấy xác nhận nợ vay ngày 11/11/2023.

Ông A và bà H trả tiền lãi chậm trả phát sinh trên số nợ gốc tính từ ngày 01/12/2023 đến ngày xét xử là 09 tháng 11 ngày, với lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) là 208.585.363 đồng.

Như vậy, ông A và bà H trả cho ông T tổng nợ gốc và nợ lãi là 2.892.310.753 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông A và bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. *Bị đơn – ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Hồng H không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

3. *Tại bản tự khai ngày 18/6/2024, bà Nguyễn Thị Thu T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Bà biết việc ông T cho ông A và bà H vay số tiền 2.683.000.000 đồng theo

Giấy xác nhận nợ vay ngày 11/11/2023 và ông T khởi kiện yêu cầu ông A và bà H trả nợ vay. Bà xác định số tiền ông T cho ông A và bà H vay là tài sản riêng của ông T, bà không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án.

4. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 71, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án:

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông T khởi kiện yêu cầu ông A và bà H trả nợ vay theo theo Giấy xác nhận nợ vay ngày 11/11/2023. Ông A và bà H cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về người tham gia tố tụng:

Ông A và bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Bà T xác định số tiền ông T cho ông A và bà H vay là tài sản riêng của ông T, bà không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án. Căn cứ khoản 4 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định bà T không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, bà T không được thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã đăng, phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho ông A biết thông tin văn bản cần được cấp, tống đạt như giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đồng thời Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng nêu trên cho bà H nhưng ông A và bà H vắng mặt, không nộp *(gửi)* cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".

- Xét, ông T yêu cầu ông A và bà H trả số tiền nợ 2.683.000.000 đồng theo nội dung Giấy xác nhận nợ vay ngày 11/11/2023. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, ông A và bà H có nghĩa vụ trả đủ tiền khi đến hạn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét, ông A và bà H thỏa thuận trả cho ông T tiền lãi là 24.000.000 đồng/1 tháng tính từ tháng 01/2023 trở về trước và 36.000.000 đồng tính từ tháng 02/2023 đến tháng 3/2023 không vượt quá lãi suất 20%/1 năm của khoản tiền vay, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Xét, ông A và bà H cam kết trả nợ gốc và nợ lãi cho ông T vào ngày 30/11/2023 nhưng ông A và bà H không thực hiện. Vì vậy, ông T yêu cầu ông A và bà H trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/1 năm tính từ ngày 01/12/2023 đến ngày xét xử là 208.585.363 đồng là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét, ông A và bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã lâu, ông T yêu cầu ông A và bà H trả tổng số tiền gốc và tiền lãi chậm trả là 2.891.585.363 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét, ông T yêu cầu ông và bà H tiếp tục trả tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi ông Anh và bà Hạnh thi hành án xong là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/11/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 5, 91, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 351, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/11/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Hồng H trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền nợ gốc và nợ lãi theo Giấy xác nhận nợ vay ngày 11/11/2023 là 2.683.000.000 (hai tỷ sáu trăm tám mươi ba triệu) đồng và nợ lãi chậm trả tính từ ngày 01/12/2023 đến ngày 12/9/2024 là 208.585.363 (hai trăm lẽ tám triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn ba trăm sáu mươi ba) đồng, tổng cộng là 2.891.585.363 (hai tỷ tám trăm chín mươi mốt triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn ba trăm sáu mươi ba) đồng.

Thời hạn trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, ông A và bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T được nhận lại số tiền tạm nộp án phí là 43.724.330 (bốn mươi ba triệu bảy trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm ba mươi) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23P số 0013427 ngày 19/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Hồng H phải nộp số tiền án phí là 89.831.707 (tám mươi chín triệu tám trăm ba mươi mốt ngàn bảy trăm lẽ bảy) đồng.

4. Về nghĩa vụ thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Hồng Đào

Thành viên
Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Hồng Đào

Thành viên
Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Hồng Đào